

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-ST

Ngày: 22-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quỳnh;
2. Ông Giàng A Tạng.

Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Nghĩa - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Thào Thị M, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1990 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hóa không biết chữ; dân tộc Mông; tôn giáo không; giới tính nữ; quốc tịch Việt Nam; con ông Thào A L (đã chết) và bà Giàng Thị D, sinh năm 1961; có chồng là Mùa A X, sinh năm 1986 và có 02 con; tiền án không; tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2021; tạm giam ngày 03 tháng 7 năm 2021; “Có mặt”.

2. Lường Văn Q1, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1990 tại xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc Khơ Mú; tôn giáo không; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Lường Văn B (đã chết) và bà Lường Thị C, sinh năm 1957; có vợ là Lý Thị K, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án không; tiền sự không; nhân thân ngày 20-6-2005 bị Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Yên Bái phạt cảnh cáo về hành

vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2021; tạm giam ngày 03 tháng 7 năm 2021; “Có mặt”.

3. **Hầu Đức T**, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1995 tại xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nơi đăng ký HKTT thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái; nơi tạm trú thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 6/12; dân tộc Cao Lan; tôn giáo không; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông **Hầu Văn C**, sinh năm 1967 và bà **Đàm Thị B**, sinh năm 1968; có vợ là **Bàn Thị N**, sinh năm 1999 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án không; tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 6 năm 2021; tạm giam ngày 03 tháng 7 năm 2021; “Có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* **Thào Thị M** và **Lường Văn Q1**: Ông **Đình Gia H** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- *Người có quyền lợi liên quan*: **Lường Văn Q2**, sinh năm 1983; nơi cư trú thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác*.

+ *Người làm chứng*: **Mùa A X**, sinh năm 1986; nơi cư trú thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

+ *Người chứng kiến*: **Mùa A C**, sinh năm 1988; nơi cư trú thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; “Vắng mặt”.

+ *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông **Mùa A Chú** - Cán bộ Phòng dịch vụ và hỗ trợ phát triển nông nghiệp huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 27/6/2021, **Thào Thị M** đi bộ một mình từ nhà đến thôn T, xã T, huyện T với mục đích tìm mua Heroine về bán kiếm lời. Trên đường đi **M** gặp một người đàn ông dân tộc Mông, không quen biết, **M** mua của người này 01 gói Heroine, với giá 2.000.000 đồng. Sau đó trên đường về **M** mở gói Heroine ra kiểm tra thấy có một nửa là dạng cục nén, một nửa là dạng bột, nhưng do bất cẩn và gió to nên **M** làm đổ gói Heroine xuống đất, **M** nhặt lại được số Heroine dạng cục nén còn số Heroine dạng bột không lấy lại được. Về đến nhà **M** chia số Heroine thành 04 gói và cất vào túi vải đeo trên người. Đến chiều cùng ngày, **Lường Văn Q1** mượn xe mô tô của **Lường Văn Q2** chở **Hầu Đức T** đến nhà **Thào Thị M**, tại đây **M** đã bán cho **Q1** và **T** mỗi người một gói Heroine với giá 300.000 đồng; mua được Heroine, **T** và **Q1** đem về nhà và sử dụng hết một mình.

Trưa ngày 30/6/2021, **Lường Văn Q1** tiếp tục mượn xe mô tô của **Q2** chở **T** đến nhà **M** mua Heroine, tại nơi ở của mình **M** bán cho **T** một gói Heroine, với giá 295.000 đồng, bán cho **Q1** một gói Heroine, với giá 600.000

đồng. Sau khi mua được Heroine, Q1 và T mở ra kiểm tra, Q1 chia gói Heroine thành ba phần rồi nhặt mảnh nilon màu xanh trong nhà M, gói lại thành 03 gói nhỏ; T cũng nhặt mảnh nilon màu xanh, gói lại gói Heroine của mình rồi cả hai cùng đi về. Khi T và Q1 trên đường về thuộc thôn P, xã T thì bị tổ công tác của Công an xã T phát hiện, bắt quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 398/GĐMT ngày 08/7/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái, kết luận:

- Chất bột nén màu trắng thu giữ của Hầu Đức T có khối lượng là: 0,57 (*không phải năm mươi bảy*) gam; 0,1 gam trích từ 0,57 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

- Chất bột nén màu trắng thu giữ của Lương Văn Q1 có tổng khối lượng là: 0,72 (*không phải bảy mươi hai*) gam; 0,12 gam trích từ 0,72 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

Heroine nằm trong Danh mục I, STT: 9, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15-5-2018 của Chính phủ.

Bản cáo trạng số: 32/CT-VKS-TT ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Thào Thị M, về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*", theo điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lương Văn Q1, Hầu Đức T, về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi mua bán, tàng trữ ma túy mình đã thực hiện. Bị cáo M, bị cáo Q1 đề nghị được miễn án phí; bị cáo Q1 đề nghị được nhận lại 26.000 đồng; bị cáo T đề nghị được nhận lại điện thoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Thào Thị M, phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*"; các bị cáo Lương Văn Q1, Hầu Đức T, phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*",

Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Thào Thị M từ 08 (*tám*) năm đến 09 (*chín*) năm tù;

Phạt bị cáo Thào Thị M từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn Q1 từ 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng đến 02 (*hai*) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hầu Đức T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q1 và bị cáo T.

Vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tiêu hủy: 1,07 (một phẩy không bảy) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định; 03 (ba) vỏ phong bì đã mở niêm phong; nilon gói; 01 (một) chiếc túi vải có dây đeo, có nhiều màu sắc họa tiết khác nhau, đã cũ.

+ Truy thu của bị cáo Thào Thị M: 1.495.000 (một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

+ Trả lại bị cáo Lương Văn Q1: 26.000 (hai mươi sáu nghìn) đồng.

+ Trả lại bị cáo Hầu Đức T 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã cũ.

+ Trả lại người có quyền lợi liên quan Lương Văn Q2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO màu đỏ, biển kiểm soát 23H5 - 8833 đã cũ.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Bị cáo M, bị cáo Q1 là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; khối lượng ma túy mua bán, tàng trữ ít; gia đình bị cáo M thuộc diện hộ nghèo, bị cáo M không có tài sản riêng; bị cáo Q1 không có tài sản; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thào Thị M từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn Q1 01 (một) năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Vật chứng, tài sản tạm giữ: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

- Án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo M và bị cáo Q1.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của

mình là sai, là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Chiều ngày 27-6-2021 Lường Văn Q1 mượn xe mô tô của Lường Văn Q2 chở Hậu Đức T đến nhà Thào Thị M ở thôn P, xã T, huyện T; tại đây M đã bán cho Q1 và T mỗi người một gói Heroine với giá 300.000 đồng; mua được Heroine, T và Q1 đem về nhà và sử dụng hết một mình. Đến trưa ngày 30/6/2021, Lường Văn Q1 tiếp tục mượn xe mô tô của Q2 chở T đến nhà M mua Heroine, tại nơi ở của mình M bán cho T 0,57 gam Heroine, với giá 295.000 đồng; bán cho Q1 0,72 gam Heroine, với giá 600.000 đồng; trên đường về, thuộc thôn P, xã T thì Q1 và T bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Mục đích Thào Thị M mua bán Heroine là để kiếm lời, mục đích Q1 và T tàng trữ Heroine là để sử dụng cho bản thân.

Các bị cáo Thào Thị M, Lường Văn Q1 và Hậu Đức T là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy (Heroine) là vi phạm luật hình sự và biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội. Bị cáo M do vụ lợi nên đã cố ý thực hiện, nhằm mục đích thu lợi bất chính; bị cáo Q1, bị cáo T cố ý thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy trái pháp luật của bản thân.

Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy mà các bị cáo thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Ngày 27-6-2021 và ngày 30-6-2021 M đã hai lần cùng một lúc bán ma túy cho Q1 và T nên M phải chịu hai tình tiết tăng nặng định khung là

phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội đối với 02 người trở lên, theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Văn Q1 và Hầu Đức T không có sự cấu kết chặt chẽ, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó Q1 là người dùng xe mô tô chở T đi mua ma túy, nên Q1 phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số ma túy của Q1 và T đã mua vào ngày 30-6-2021 là 1,29 gam Heroine. Vì vậy, Q1 sẽ phải chịu mức hình phạt cao hơn T.

[5] Từ những nhận định trên đã có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của bị cáo Thào Thị M phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Lương Văn Q1 và bị cáo Hầu Đức T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[6] Nhân thân: Bị cáo Thào Thị M trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự, nên xác định bị cáo M là người có nhân thân không xấu tại địa phương.

Bị cáo Lương Văn Q1 và Hầu Đức T là người thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo Q1 đã từng bị xử phạt hành chính, nên xác định các bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo cùng được hưởng.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng định khung hình phạt đối với M, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng các bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[9] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo Q1 và T đều là người không có tài sản, kinh tế gia đình khó khăn; không có thu nhập ổn định và không có tài sản có giá trị lớn. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q1 và bị cáo T.

Bị cáo Thào Thị M phạm tội thu lời bất chính, gia đình có tài sản có giá trị (04 con trâu), nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Vật chứng và tài sản tạm giữ:

Đối với: 1,07 (*một phẩy không bảy*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định. Đây là vật Nhà nước cầm tàng trữ, lưu hành, nên tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 03 (ba) vỏ phong bì đã mở niêm phong; nilon gói; 01 (một) chiếc túi vải có dây đeo, có nhiều màu sắc họa tiết khác nhau, đã cũ. Các mảnh nilon gói và chiếc túi vải, các bì cáo đã sử dụng để tàng trữ ma túy, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; 03 (ba) vỏ phong bì Cơ quan điều tra sử dụng để niêm phong vật chứng, xét không có giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 26.000 (hai mươi sáu nghìn) đồng thu giữ của Lương Văn Q1 và 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu NOKIA màu đen, thu giữ của Hầu Đức T. Tiền và điện thoại không liên quan đến tội phạm, nên trả số tiền cho bị cáo Q1 và điện thoại cho bị cáo T, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO màu đỏ, biển kiểm soát 23H5 - 8833, là tài sản của Lương Văn Q1, việc bị cáo Q1 mượn xe đi mua ma túy, anh Q2 không biết, không có lỗi. Cần căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại xe mô tô cho anh Lương Văn Q2.

[11] Án phí và các vấn đề khác:

Bị cáo Hầu Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo M và bị cáo Q1 là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo M và bị cáo Q1.

Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông là người Thào Thị M khai đã bán Heroine cho M. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Thào Thị M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Tuyên bố bị cáo Lương Văn Q1 và bị cáo Hầu Đức T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm b, điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Thào Thị M 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày giữ khẩn cấp bị cáo, là ngày 30-6-2021.

Phạt bị cáo Thào Thị M 5.000.000 (*năm triệu*) đồng.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Văn Q1 02 (*hai*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 30-6-2021.

Xử phạt bị cáo Hầu Đức T 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 30-6-2021.

3. Vật chứng và tài sản tạm giữ:

Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 1,07 (*một phẩy không bảy*) gam Heroine còn lại sau khi lấy mẫu giám định; 03 (*ba*) vỏ phong bì đã mở niêm phong; nilon gói; 01 (*một*) chiếc túi vải có dây đeo, có nhiều màu sắc họa tiết khác nhau, đã cũ.

+ Truy thu của bị cáo Thào Thị M: 1.495.000 (*một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng.

+ Trả lại bị cáo Lương Văn Q1: 26.000 (*hai mươi sáu nghìn*) đồng.

+ Trả lại bị cáo Hầu Đức T 01 (*một*) chiếc điện thoại di động bàn phím, nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã cũ.

+ Trả lại người có quyền lợi liên quan Lương Văn Q2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu JAMOTO màu đỏ, biển kiểm soát 23H5 - 8833, đã cũ.

(*đặc điểm của vật chứng và tài sản như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 11-11-2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trầm Thủy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trầm Thủy*)

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hầu Đức T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Thào Thị M và Lương Văn Q1 được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan

đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Các bị cáo; người bào chữa;
- UBND xã N;
- UBND xã T; xã Y (TB);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Thuế Nghĩa Vãn- Trạm Tấu;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân